

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 34

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc cập nhật giấy tờ tùy thân của người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hướng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Ngữ	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm từ ngày 17/3/2025 và tái bổ nhiệm từ ngày 02/6/2025)
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 17/3/2025) (Miễn nhiệm từ ngày 02/6/2025)
Ông Nguyễn Kỳ Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/3/2026)
Ông Trịnh Xuân Thảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 04/02/2026)
Ông Lê Văn Đáng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/4/2025)



## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/GUQ-SDC ngày 31/12/2025 của Chủ tịch HĐQT  
Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026



Số: 169/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ, được lập ngày 28/3/2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 26/3/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần,



A large, stylized blue signature, likely of the auditor, written on the right side of the page.

---

**Lưu Minh Tới****Phó Giám đốc phụ trách****Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh****Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1****Giấy Ủy quyền số: 06/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT****Thay mặt và đại diện****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT****Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026**

---

**Lê Thanh Tùng Lâm****Kiểm toán viên****Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>144.726.095.197</b>	<b>143.926.095.871</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.171.138.701</b>	<b>2.258.246.987</b>
1. Tiền	111		2.171.138.701	2.258.246.987
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		31.000.000.000	31.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.007.756.021</b>	<b>62.837.719.395</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.456.159.851	68.120.116.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.320.049.126	936.681.707
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.808.466.740	3.651.047.242
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(10.576.919.696)	(9.870.126.496)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>51.764.050.033</b>	<b>44.389.079.259</b>
1. Hàng tồn kho	141		51.764.050.033	44.389.079.259
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.783.150.442</b>	<b>3.441.050.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.010.044.990	576.261.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		671.036.462	2.864.788.505
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	102.068.990	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>145.096.039.468</b>	<b>156.940.814.207</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.094.415.547</b>	<b>95.634.417.652</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	82.094.415.547	95.634.417.652
- Nguyên giá	222		237.473.010.305	237.358.010.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.378.594.758)	(141.723.592.653)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		99.856.000	99.856.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.856.000)	(99.856.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.899.815.987</b>	<b>204.493.918</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.899.815.987	204.493.918
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>57.485.335.162</b>	<b>57.485.335.162</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		53.251.820.004	53.251.820.004
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.233.515.158	4.233.515.158
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.616.472.772</b>	<b>3.616.567.475</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.047.493.327	2.960.047.322
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		568.979.445	656.520.153
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>289.822.134.665</b>	<b>300.866.910.078</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>91.853.389.839</b>	<b>93.281.897.316</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.853.389.839</b>	<b>92.470.897.316</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	6.974.450.614	9.363.191.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	737.128.480	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	43.832.446	72.329.062
4. Phải trả người lao động	314		4.377.982.187	5.259.381.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.299.713.193	1.023.538.299
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		590.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	361.530.994	324.225.945
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	67.949.227.189	68.531.742.867
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.519.524.736	7.896.488.050
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>811.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	811.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>197.968.744.826</b>	<b>207.585.012.762</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>197.968.744.826</b>	<b>207.585.012.762</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.399.970.000	101.399.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.399.970.000	101.399.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.088.794.660	36.024.541.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.529.980.166	70.210.500.788
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.261.998.416	69.139.622.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.267.981.750	1.070.878.105
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>289.822.134.665</b>	<b>300.866.910.078</b>

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026  
Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	199.424.917.069	208.721.757.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	4.350.000	10.984.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	199.420.567.069	208.710.772.761
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	180.110.592.689	190.588.858.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.309.974.380	18.121.914.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	3.718.263.926	9.167.579.733
7. Chi phí tài chính	22	6.6	3.648.947.567	5.153.223.603
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.648.947.567	5.153.223.603
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	2.752.954.481	3.041.351.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	15.342.196.490	17.754.787.363
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.284.139.768	1.340.131.762
11. Thu nhập khác	31	6.8	-	86.383.391
12. Chi phí khác	32	6.8	-	250.668.323
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	-	(164.284.932)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.284.139.768	1.175.846.830
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	16.158.018	104.968.725
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.267.981.750	1.070.878.105

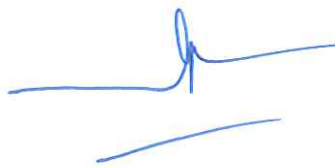
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026  
Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.284.139.768	1.175.846.830
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		13.655.002.105	12.112.226.234
- Các khoản dự phòng	03		706.793.200	1.580.000.000
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(503.522)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.717.170.736)	(9.253.943.369)
- Chi phí lãi vay	06		3.648.947.567	5.153.223.603
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.577.208.382	10.767.353.298
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.926.357.337	(900.672.189)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.287.430.066)	13.296.687.833
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.427.812.166)	(2.792.243.911)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(521.229.270)	(3.039.669.045)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.600.008.955)	(5.161.214.695)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.158.018)	(467.326.088)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.721.216.000)	(1.668.974.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.929.711.244	10.033.940.907
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(115.000.000)	(61.480.012.864)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	136.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.605.666.626	50.891.464.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.490.666.626	(10.452.184.321)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

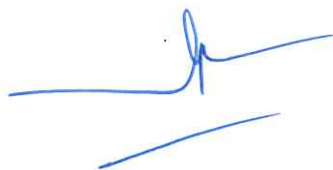
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		174.859.369.893	231.129.366.068
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(176.252.885.571)	(223.607.516.113)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.114.474.000)	(20.282.028.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(11.507.989.678)</i>	<i>(12.760.178.045)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> <i>(50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>(87.611.808)</i>	<i>(13.178.421.459)</i>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.258.246.987</b>	<b>15.436.668.446</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>503.522</i>	<i>-</i>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>2.171.138.701</b>	<b>2.258.246.987</b>

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026

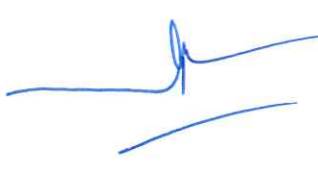
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc cập nhật giấy tờ tùy thân của người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 224 người (tại ngày 01/01/2025 là 256 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất xi măng, thạch cao	51.06%	51.06%	51.06%
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Xi Măng Tây Đô - Công ty con gián tiếp</b>					
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	68.52%	68.52%	34.99%
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung ứng lao động tạm thời	90.50%	90.50%	46.21%

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

*Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng*

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2025.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào Công ty con*

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)***

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác***

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Tiền thuê đất và chi phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trả trước**

Tiền thuê đất là khoản tiền Công ty thuê đất của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm cháy nổ là khoản chi bắt buộc cho hoạt động sản xuất của Công ty. Các chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng trong 12 tháng.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng TMCP.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: chi phí lãi vay phải trả, trích trước nhập mua nguyên liệu và chi phí khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; Không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.171.138.701	2.258.246.987
<b>Tổng</b>	<b>2.171.138.701</b>	<b>2.258.246.987</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,1 đến 4,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi với số tiền 30.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	16.398.291.672	17.438.716.800
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành	6.400.000.000	7.900.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	2.061.774.000	4.960.875.360
Công ty TNHH Công nghiệp Bao C.P. (Việt Nam)	4.477.200.048	6.605.148.988
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Xuất nhập khẩu Sài Gòn	4.387.220.450	10.823.952.370
Phải thu các đối tượng khác	20.731.673.681	20.391.423.424
<b>Tổng</b>	<b>54.456.159.851</b>	<b>68.120.116.942</b>
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>16.398.291.672</i>	<i>17.438.716.800</i>

(i) Toàn bộ nợ phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2025 có giá trị ghi sổ là 54.456.159.851 VND (tại ngày 01/01/2025 là 68.120.116.942 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số 5.17).

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Windmoller and Holscher Machinery K.S.	155.448.212	20.331.920
Công Ty Cổ Phần Stavian Hóa Chất	2.548.800.000	-
Công ty Cổ Phần Bê Tông Tây Đô	5.131.330.000	-
Các đối tượng khác	484.470.914	916.349.787
<b>Tổng</b>	<b>8.320.049.126</b>	<b>936.681.707</b>
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>5.131.330.000</i>	<i>-</i>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Tạm ứng	2.677.427.504	-	1.819.328.064	-
- Phải thu khác, trong đó:	3.131.039.236	(159.900.000)	1.831.719.178	(159.900.000)
+ Phải thu lãi tiền gửi	1.103.323.288	-	991.819.178	-
+ Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	600.000.000	-	680.000.000	-
+ Phải thu khác	1.427.715.948	(159.900.000)	159.900.000	(159.900.000)
<b>Tổng</b>	<b>5.808.466.740</b>	<b>(159.900.000)</b>	<b>3.651.047.242</b>	<b>(159.900.000)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.6 Nợ xấu**

31/12/2025 (VND)					01/01/2025 (VND)			
Đối tượng	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng ngắn hạn								
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Từ 2 - 3 năm	6.400.000.000	(4.224.340.540)	2.175.659.460	Từ 1 - 3 năm	7.900.000.000	(4.017.672.040)	3.882.327.960
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Từ 1 - 2 năm	2.061.774.000	(849.124.656)	1.212.649.344	Từ 6 tháng - 1 năm	2.830.415.520	(849.124.656)	1.981.290.864
Các đối tượng khác	Từ 1 - 3 năm	3.163.349.000	(843.554.580)	2.319.794.420	> 3 năm	734.099.600	(343.429.880)	390.669.720
Phải thu khác ngắn hạn								
Bà Nguyễn Hoàng Yến	> 3 năm	159.900.000	(159.900.000)	-	> 3 năm	159.900.000	(159.900.000)	-
Tổng		16.285.022.920	(10.576.919.696)	5.708.103.224		16.124.415.040	(9.870.126.496)	6.254.288.544



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.686.801.309	-	12.905.415.089	-
Công cụ, dụng cụ	8.452.582.144	-	8.288.587.261	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.226.873.294	-	5.430.657.206	-
Thành phẩm	21.397.793.286	-	17.764.419.703	-
<b>Tổng</b>	<b>51.764.050.033</b>	<b>-</b>	<b>44.389.079.259</b>	<b>-</b>

Toàn bộ nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho có giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2025 là 39.084.594.595 VND (tại ngày 01/01/2025 là 30.669.834.792 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (xem tại thuyết minh 5.17).

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.010.044.990</b>	<b>576.261.725</b>
Chi phí bảo hiểm	86.824.466	129.089.528
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	52.087.332	73.991.366
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	871.133.192	373.180.831
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.047.493.327</b>	<b>2.960.047.322</b>
Chi phí sửa chữa	1.352.491.636	2.058.139.456
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.095.402.810	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	599.598.881	901.907.866
<b>Tổng</b>	<b>4.057.538.317</b>	<b>3.536.309.047</b>

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng kho nguyên liệu, phân xưởng sản xuất 3 và đường đi	1.899.815.987	204.493.918
<b>Tổng</b>	<b>1.899.815.987</b>	<b>204.493.918</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10
Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	32.424.707.650	193.074.025.452	11.504.399.526	354.877.677	237.358.010.305
Tăng trong năm	-	115.000.000	-	-	115.000.000
Mua trong năm	-	115.000.000	-	-	115.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	32.424.707.650	193.189.025.452	11.504.399.526	354.877.677	237.473.010.305
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	27.207.816.035	111.354.196.554	2.975.796.001	185.784.063	141.723.592.653
Tăng trong năm	644.668.523	12.018.293.750	956.478.900	35.560.932	13.655.002.105
Khấu hao trong năm	644.668.523	12.018.293.750	956.478.900	35.560.932	13.655.002.105
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	27.852.484.558	123.372.490.304	3.932.274.901	221.344.995	155.378.594.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	5.216.891.615	81.719.828.898	8.528.603.525	169.093.614	95.634.417.652
Tại ngày 31/12/2025	4.572.223.092	69.816.535.148	7.572.124.625	133.532.682	82.094.415.547

Trong đó:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 62.248.691.774 VND (tại ngày 01/01/2025: 61.776.461.523 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 67.053.673.976 VND (tại ngày 01/01/2025: 75.418.629.309 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	99.856.000	99.856.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>99.856.000</u>	<u>99.856.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	99.856.000	99.856.000
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>99.856.000</u>	<u>99.856.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	-	-

*Trong đó:*

- Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 99.856.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 99.856.000 VND).

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2025 (VND)</u>		<u>01/01/2025 (VND)</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân	662.385.600	662.385.600	945.953.250	945.953.250
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	3.881.703.600	3.881.703.600	1.710.500.000	1.710.500.000
Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina	-	-	4.313.925.000	4.313.925.000
Các đối tượng khác	2.430.361.414	2.430.361.414	2.392.813.071	2.392.813.071
<b>Tổng</b>	<u>6.974.450.614</u>	<u>6.974.450.614</u>	<u>9.363.191.321</u>	<u>9.363.191.321</u>

*Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

56.382.000	56.382.000	292.551.683	292.551.683
------------	------------	-------------	-------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại SHINWOO	537.128.480	-
Dae Bo Jong Hap Sang Sa	200.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>737.128.480</b>	<b>-</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>72.329.062</b>	<b>2.458.827.309</b>	<b>2.487.323.925</b>	<b>43.832.446</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	977.506.943	977.506.943	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	64.221.132	64.221.132	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.158.018	16.158.018	-
Thuế thu nhập cá nhân	72.329.062	989.665.249	1.018.161.865	43.832.446
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	408.275.967	408.275.967	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>102.068.990</b>	<b>102.068.990</b>
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	102.068.990	102.068.990

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	121.176.485	72.237.873
Trích trước nhập mua nguyên liệu	2.360.000.000	-
Chi phí phải trả khác	818.536.708	951.300.426
<b>Tổng</b>	<b>3.299.713.193</b>	<b>1.023.538.299</b>

**5.16 Phải trả khác ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	67.399.700	163.821.900
Bảo hiểm xã hội	86.624	-
Cổ tức phải trả	42.274.000	16.751.000
Phải trả khác	251.770.670	143.653.045
<b>Tổng</b>	<b>361.530.994</b>	<b>324.225.945</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2025 (VND)			Trong năm (VND)			01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay ngắn hạn	67.949.227.189	67.949.227.189	174.859.369.893	175.441.885.571	68.531.742.867	68.531.742.867		
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>67.949.227.189</i>	<i>67.949.227.189</i>	<i>174.859.369.893</i>	<i>167.152.885.571</i>	<i>60.242.742.867</i>	<i>60.242.742.867</i>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (i)	29.724.695.870	29.724.695.870	103.285.035.792	87.229.038.515	13.668.698.593	13.668.698.593		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	8.272.170.500	8.272.170.500	37.580.386.683	45.911.322.216	16.603.106.033	16.603.106.033		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ - Thấu chi (iii)	29.952.360.819	29.952.360.819	33.993.947.418	34.012.524.840	29.970.938.241	29.970.938.241		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8.289.000.000</i>	<i>8.289.000.000</i>	<i>8.289.000.000</i>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	8.289.000.000	8.289.000.000	8.289.000.000		
b) Vay dài hạn	-	-	-	811.000.000	811.000.000	811.000.000		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	811.000.000	811.000.000	811.000.000		
<b>Tổng</b>	<b>67.949.227.189</b>	<b>67.949.227.189</b>	<b>174.859.369.893</b>	<b>176.252.885.571</b>	<b>69.342.742.867</b>	<b>69.342.742.867</b>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 130/2025-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP SADICO CAN THO ký ngày 01/7/2025.  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bao bì;  
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 30/6/2026;  
Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ;  
Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị;

**(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2025/13791013/HĐTD ký ngày 14/2/2025;  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C;  
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/01/2026;  
Lãi suất vay: Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;  
Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu của Công ty, hàng tồn kho và máy móc thiết bị;

**(iii) Vay thấu chi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2025/13791013/HĐTD ký ngày 28/10/2025..  
Mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;  
Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/10/2026;  
Lãi suất vay: 5,1%/năm (được áp dụng tới ngày 21/11/2025) và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng;  
Tài sản đảm bảo: Được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với số tiền 30.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2021/13791013/HĐBĐ ngày 12/4/2021;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	101.399.970.000	(50.000.000)	32.220.093.802	98.504.826.949	232.074.890.751
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.070.878.105	1.070.878.105
Chia cổ tức	-	-	-	(20.279.994.000)	(20.279.994.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.804.448.172	(3.804.448.172)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.440.762.094)	(4.440.762.094)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(840.000.000)	(840.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	70.210.500.788	207.585.012.762
Số dư tại ngày 01/01/2025	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	70.210.500.788	207.585.012.762
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.267.981.750	1.267.981.750
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(10.139.997.000)	(10.139.997.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	64.252.686	(64.252.686)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(64.252.686)	(64.252.686)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(680.000.000)	(680.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	101.399.970.000	(50.000.000)	36.088.794.660	60.529.980.166	197.968.744.826



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (i) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/6/2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 6% lợi nhuận sau thuế	64.252.686
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 6% lợi nhuận sau thuế	64.252.686
• Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	680.000.000
• Chia cổ tức: 10% lợi nhuận sau thuế	10.139.997.000

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Bà Phạm Thị Thúy	23.016.920.000	23.016.920.000
Bà Phạm Thị Thêu	22.570.000.000	22.570.000.000
Ông Bùi Văn Tùng	19.578.790.000	19.578.790.000
Bà Trương Thị Phương Thúy	14.950.440.000	14.950.440.000
Ông Mai Công Toàn	9.521.000.000	9.521.000.000
Các cổ đông khác	11.762.820.000	11.762.820.000
<b>Tổng</b>	<b>101.399.970.000</b>	<b>101.399.970.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	101.399.970.000	101.399.970.000
Vốn góp tại ngày đầu năm	101.399.970.000	101.399.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	101.399.970.000	101.399.970.000
Cổ tức đã chia	10.139.997.000	20.279.994.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

**e. Các quỹ của Công ty**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.088.794.660	36.024.541.974
<b>Tổng</b>	<b>36.088.794.660</b>	<b>36.024.541.974</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu	80.640.710	80.640.710
Trần Quang Thái (i)	840.899.991	840.899.991
Các đối tượng khác (ii)		
<b>Tổng</b>	<b>921.540.701</b>	<b>921.540.701</b>

(i) Nguyên nhân xóa nợ: Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được.

(ii) Nguyên nhân xóa nợ: Không có khả năng thu hồi.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
USD	44.205,59	229,89
Tương đương VND	1.153.102.815	5.332.298

**c) Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo thời hạn, ước tính như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	716.118.950	1.020.689.822
Trên 01 năm đến 05 năm	-	647.819.020
<b>Tổng</b>	<b>716.118.950</b>	<b>1.668.508.842</b>

**Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động nêu trên bao gồm:**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động là các hợp đồng thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh, chi tiết như sau:

- Diện tích 19.700 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 1.222,8 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 2.948,2 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 19 và 51, tờ bản đồ số 36 và 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 33/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 26/11/2001 đến 26/11/2026.
- Diện tích 7.752,1 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 16/8/2001 đến 16/8/2026.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	198.663.795.523	206.790.288.299
Doanh thu bán hàng hóa	480.000.000	1.711.468.964
Doanh thu khác	281.121.546	219.999.998
<b>Tổng</b>	<b>199.424.917.069</b>	<b>208.721.757.261</b>
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>47.686.364.000</i>	<i>55.177.484.500</i>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giảm giá hàng bán	4.350.000	10.984.500
<b>Tổng</b>	<b>4.350.000</b>	<b>10.984.500</b>

**6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	198.659.445.523	206.779.303.799
Doanh thu bán hàng hóa	480.000.000	1.711.468.964
Doanh thu khác	281.121.546	219.999.998
<b>Tổng</b>	<b>199.420.567.069</b>	<b>208.710.772.761</b>

**6.4 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm	179.613.060.107	189.778.896.535
Giá vốn bán hàng hoá	476.500.000	809.961.841
Giá vốn khác	21.032.582	-
<b>Tổng</b>	<b>180.110.592.689</b>	<b>190.588.858.376</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.417.285.936	1.631.652.733
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.299.884.800	7.535.927.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	589.668	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	503.522	-
<b>Tổng</b>	<b>3.718.263.926</b>	<b>9.167.579.733</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	3.648.947.567	5.153.223.603
<b>Tổng</b>	<b>3.648.947.567</b>	<b>5.153.223.603</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.752.954.481</b>	<b>3.041.351.390</b>
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	22.154.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.715.487.649	2.824.200.768
Chi phí bằng tiền khác	37.466.832	194.996.262
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.342.196.490</b>	<b>17.754.787.363</b>
Chi phí nhân viên quản lý	9.795.157.270	11.078.469.479
Chi phí vật liệu quản lý	-	39.361.487
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.970.486	26.344.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	977.817.900	977.817.900
Thuế phí và lệ phí	423.010.622	1.037.223.997
Chi phí dự phòng	706.793.200	1.580.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.373.350.702	1.227.592.968
Chi phí bằng tiền khác	2.024.096.310	1.787.977.147
<b>Tổng</b>	<b>18.095.150.971</b>	<b>20.796.138.753</b>

**6.8 Lợi nhuận khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>86.383.391</b>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	86.363.636
Thu nhập khác	-	19.755
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>86.383.391</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>250.668.323</b>
Các khoản phạt	-	146.584.323
Chi phí khác	-	104.084.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>250.668.323</b>
<b>Lợi nhuận thuần khác</b>	<b>-</b>	<b>(164.284.932)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.187.683.965	145.007.719.073
Chi phí nhân công	35.147.566.086	39.256.986.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.655.002.105	12.112.226.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.188.285.689	20.983.912.163
Chi phí khác bằng tiền	3.340.684.331	5.036.411.826
<b>Tổng</b>	<b>207.519.222.176</b>	<b>222.397.255.497</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.284.139.768	1.175.846.830
Các khoản điều chỉnh tăng	1.396.167.272	1.614.798.545
- Chi phí không được trừ	599.688.372	671.735.322
- Chi phí khấu hao vượt định mức	796.478.900	796.478.900
- Các khoản phạt	-	146.584.323
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.299.381.278)	(7.535.927.000)
- Thu nhập từ nhận cổ tức	(2.299.884.800)	(7.535.927.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	503.522	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	380.925.762	(4.745.281.625)
Các khoản lỗ được kết chuyển	(380.925.762)	-
Thu nhập tính thuế	-	(4.745.281.625)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:	16.158.018	104.968.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo Quyết định số 5092/QĐ-CT ngày 23/12/2024	-	104.968.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay cho nhà thầu nước ngoài	16.158.018	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.158.018</b>	<b>104.968.725</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan**

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty con trực tiếp
2	Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Công ty con gián tiếp
3	Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Cùng Chủ tịch
5	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

**a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	480.000.000	560.000.000
Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng và thù lao	2.687.000.000	2.721.000.000
Ban Tổng Giám đốc Tổng	Lương, thưởng	599.395.106 <u>3.766.395.106</u>	1.062.888.154 <u>4.343.888.154</u>

**a.1 Thù lao của Hội đồng Quản trị**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên HĐQT độc lập	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngữ	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)	-	40.000.000
Ông Mai Công Quyết	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)	-	40.000.000
<b>Tổng</b>		<u>360.000.000</u>	<u>440.000.000</u>

**a.2 Thù lao của Ban kiểm soát**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Khuê	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)	-	20.000.000
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>		<u>240.000.000</u>	<u>240.000.000</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**

**a.3 Lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	2.567.000.000	2.601.000.000
Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc	529.488.650	598.178.535
Ông Lê Văn Đáng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/04/2025)	69.906.456	464.709.619
<b>Tổng</b>		<b>3.166.395.106</b>	<b>3.663.888.154</b>

**b. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Giao dịch bán</b>		<b>47.686.364.000</b>	<b>55.177.484.500</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Bán thành phẩm, hàng hoá	47.686.364.000	55.172.924.500
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Bán thành phẩm, hàng hoá	-	4.560.000
<b>Giao dịch mua</b>		<b>790.668.516</b>	<b>1.943.383.737</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Mua hàng hoá, nguyên liệu	619.240.741	1.605.420.775
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Mua hàng hoá, dịch vụ	171.427.775	337.962.962

**c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>16.398.291.672</b>	<b>17.438.716.800</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	16.398.291.672	17.438.716.800
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>5.131.330.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bê Tông Tây Đô	5.131.330.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>56.382.000</b>	<b>292.551.683</b>
Công ty Cổ phần Bê Tông Tây Đô	-	203.551.683
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	56.382.000	89.000.000

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ.

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026  
Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường